

Số: 15/2023/QĐST-HNGĐ

TP. Yên Bái, ngày 01 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 28/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

2. Bị đơn: Anh Cao Văn T, sinh năm 1992.

Nơi ĐKKHKT: Số 239, phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ tạm trú: Tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái

Căn cứ vào các Điều 147; 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 02 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 02 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Bích N và anh Cao Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nuôi con: Giao cháu Cao Thanh N1, sinh ngày 29-12-2019 cho chị Nguyễn Thị Bích N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Cao Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền 2.000.000 đồng/01 tháng (thời điểm cấp dưỡng từ 01-3-2023) cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi.

Anh Cao Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Ngọc có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền trên mà anh T không thi hành khoản tiền nêu trên đúng thời hạn thì hàng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi quy định tại Điều 357; khoản 2 điều 468 của Bộ Luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích N phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Ngọc đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2022/0000085 ngày 09-02-2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái. Xác nhận chị Ngọc đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Cao Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh YB;
- VKSND thành phố YB;
- THADS thành phố YB;
- Đương sự;
- UBND phường H,
thành phố Y, tỉnh Yên Bái.
(GCNKH số 04 ngày 04-3-2013)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Bùi Quang Trung